

Bản án số: 05/2022/DS-PT.

Ngày: 12/01/2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và
bồi thường thiệt hại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B G**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương G

Các thẩm phán: Ông Hà Văn Nâu, ông Nguyễn Hải Vinh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B G: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12/1/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B G xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2021/TLPT- DS ngày 10/11/2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 9/9/2021 của Tòa án nhân dân Hện Yên Dũng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 157/2021/QĐ-PT ngày 15/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2021/QĐ-PT ngày 22/12/2021 giữa:

*** Nguyên đơn:**

1. Bà Ngô Thị G, sinh năm 1967 (có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên, tỉnh B G.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn EAHEO, xã EA Tân, Hện K Rông Năng, tỉnh D.

2. Chị Nguyễn Thị Nương, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đông Sơn, xã Việt Đoàn, Hện Tiên Du, tỉnh B N.

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Trung cư Cát Tường, đường Lý Anh Tông, phường Võ Cường, thành phố B N, tỉnh B N.

Người đại diện theo ủy quyền chị D, chị Nương, anh T: Bà Ngô Thị G, sinh năm 1967, ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G.

3. Bà Nguyễn Thị Thiết, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên, tỉnh B G.

4. Ông Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên, tỉnh B G.

5. UBND Hện Yên Dũng, tỉnh B G

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phòng Thị Ngân - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Hện Yên Dũng, theo văn bản ủy quyền số 676/UBND-NC ngày 07/5/2021 của Chủ tịch UBND Hện Yên Dũng, địa chỉ: Thị trấn Nham Biền, Hện Yên Dũng, tỉnh B G. (vắng mặt)

6. UBND xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Xuân Chính - Công chức địa chính xã Yên Lư, theo giấy ủy quyền ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND xã Yên Lư (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn là ông Nguyễn Văn H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thiết và ông Nguyễn Văn Hùng.

NỘI D V U Á N:

Nguyên đơn là nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, bà Ngô Thị G trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất lâm nghiệp 6000m² tại khu vực núi Lớ, thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G là do bố mẹ ông G là cụ Nguyễn Văn Bút và cụ Trần Thị Diệp khai hoang từ năm gia đình ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 là bố mẹ chồng ông bà là cụ Nguyễn Văn Bút, cụ Trần Thị Diệp có trồng sắn và khoai trên diện tích đất rừng, bà Quỳ, ông Ươm là chị gái và anh rể ông K có canh tác trên diện tích đất rừng. Năm 1995, vợ chồng ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng nhưng là sổ xanh, năm 1999 đổi từ sổ xanh sang sổ đỏ, diện tích 6000m². Sau khi được cấp giấy, năm 1995, 1996 thực hiện dự án 327 về phủ xanh đất trống đồi núi trọc của Hện Yên Dũng, tỉnh B G có cấp cho các hộ keo trám để trồng, gia đình ông bà có được cấp cây giống để trồng. Năm 1998-1999 có dự án 661 về trồng rừng, Hện Yên Dũng có cấp cây thông cho các hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trồng. Năm 1999, vợ chồng ông bà có trồng thêm bạch đàn cao sản. Toàn bộ diện tích đất rừng vợ chồng ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6000 m², vợ chồng ông bà đã trồng cây phủ xanh, đất trống đồi núi trọc. Gia đình ông bà trồng rừng theo hai dự án của Hện Yên Dũng, được Hện Yên Dũng hỗ trợ tiền trồng rừng và phân bón. Từ khi được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất vợ chồng ông bà trồng rừng từ năm 1995 đến nay không có ai tranh chấp đất rừng cũng như khiếu nại về việc vợ chồng ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng.

Từ năm 2019 đến nay ông H không cho gia đình ông bà vào canh tác đối với diện tích đất rừng trên, ông H cho rằng diện tích đất rừng trên là của ông H. Ông bà khởi kiện buộc ông H phải trả lại ông bà toàn bộ diện tích đất rừng gia đình ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với số cây bạch đàn ông H đã chặt của gia đình ông bà là 300 cây, trị giá khoảng 30.000.000 đồng, vợ chồng ông bà yêu cầu ông H phải bồi thường. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/12/2020, ông K, bà G thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc ông H, bà Thiết phải trả diện tích đất lấn chiếm cùng cây trồng trên diện tích là 970,5 m²; ông Hùng trả diện tích đất lấn chiếm cùng cây trồng trên diện tích là 1.164,8 m² và yêu cầu ông H, bà Thiết bồi thường số tiền 30.000.000 đồng trị giá 300 cây bạch đàn đã bị chặt.

Tại phiên tòa ngày 08 tháng 9 năm 2021, ông K, bà G trình bày: Ông bà sử dụng diện tích đất lâm nghiệp được giao từ năm 1995, trồng cây theo dự án của Hện cũng như gia đình tự mua cây về trồng. Do ông H tự nhận diện tích đất và cây trồng trên đất ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là của ông H, tại đơn khởi kiện ông bà khởi kiện ông H đòi lại toàn bộ diện tích đất và cây trồng trên đất ông H cho rằng là của ông H. Quá trình giải quyết vụ án bà Thiết, ông Hùng thừa nhận có sử dụng diện tích đất rừng của ông bà và ông H, bà Thiết, ông Hùng còn nhận những cây trồng của ông bà trồng là của ông H, bà Thiết, ông Hùng vì vậy ông bà yêu cầu cả ông Hùng, bà Thiết phải có trách nhiệm trả lại phần diện tích đất rừng sử dụng của ông bà. Ông bà nhất trí với kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ngày 31/8/2021 và đã được cắm mốc trên thực địa. Nay ông bà thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông H, bà Thiết phải trả cho ông bà diện tích đất cùng cây trồng trên đất là 1202,1m²; buộc ông Hùng phải trả cho ông bà diện tích đất cùng cây trồng trên đất là 1438,2m². Ông bà rút yêu cầu đối với việc buộc ông H, bà Thiết phải bồi thường thiệt hại 300 cây bạch đàn đã chặt trị giá 30.000.000 đồng. Ngoài ra ông bà không có yêu cầu gì khác.

*** Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:** Năm 1980 mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Thảo và chú ruột ông là ông Nguyễn Văn Cường có trồng sắn trên diện tích đất ven đường rừng thuộc thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên, tỉnh B G. Khoảng năm 1996, thì ông trực tiếp khai thác và sử dụng toàn bộ diện tích ven đường rừng do mẹ ông khai thác trước để trồng sắn. Diện tích ven đường rừng không có giấy tờ gì thể hiện ông được sử dụng hợp pháp, từ năm 1997, ông bắt đầu trồng bạch đàn cao sản và trồng trà, từ mặt đường lên trên đất rừng khoảng 40m rộng, dài sát đường khoảng 35 m, dài gần trên núi là 100m. Khi ông trồng cây thì không xảy ra tranh chấp gì. Trước năm 1995, gia đình

trồng sẵn đã xảy ra tranh chấp, các hộ dân thuộc xã Yên Lư, Hện Yên Dũng phá sản của gia đình ông trồng. Năm 2019, Hện Việt Yên làm đường bê tông phần đất của thôn Trúc Tay, do vậy xảy ra tranh chấp giữa các hộ dân Hện Yên Lư và ông. Ông không làm đơn khởi kiện các cơ quan có thẩm quyền về diện tích đất tranh chấp giữa hai thôn. Phần đất ông đang khai thác sử dụng không phải là đất của bà G, ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông K, bà G có trồng cây thông, cây keo trên phần đất ông trồng bạch đàn. Ông chưa bao giờ khai thác cây rừng của nhà ông K, bà G vì từ khi ông ở trên đất ông không thấy bà G, ông K trồng cây rừng. Nhà đất ông đang ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 1996, ông xây nhà hai tầng trên diện tích đất ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không liên quan gì đến đất rừng của ông K, bà G. Nay ông K, bà G khởi kiện ông trả lại 6.000 m² đất rừng, ông không nhất trí vì ông không sử dụng 6.000m² đất ông K, bà G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất ông đang khai thác sử dụng là đất thuộc thôn Trúc Tay, Hện Việt Yên quản lý. Đối với số cây bạch đàn ông K, bà G cho rằng ông đã chặt của gia đình ông K, bà G là 300 cây, trị giá 30.000.000 đồng, yêu cầu ông bồi thường là không đúng, ông không đồng ý vì từ khi ông sinh sống và khai thác trên diện tích đất rừng đến nay ông K, bà G không trồng cây gì. Mặt khác, từ năm 1997 ông trồng bạch đàn còn chưa được bán lần nào, hiện tại số cây bạch đàn của ông trồng có đường kính từ 15-20cm.

Tại phiên tòa ngày 08/9/2021, ông H trình bày: Diện tích đất ông sử dụng là thuộc sự quản lý của thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên, tỉnh B G. Vị trí, diện tích đất như Tòa án đã đi xem xét thẩm định tại chỗ. Ông không đồng ý trả lại diện tích đất cùng cây trên đất như ông K, bà G yêu cầu. Diện tích đất cũng như cây trồng trên đất là của vợ chồng ông trồng, xâm canh từ những năm 1980, ông không có giấy tờ gì thể hiện được cơ quan có thẩm quyền giao đất rừng để sử dụng.

***Tại bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thiết trình bày:** Khi chị kết hôn về chung sống cùng với anh H, gia đình nhà chồng chị đã trồng rừng trên diện tích đất ông K, bà G khởi kiện vợ chồng chị. Vợ chồng chị trồng bạch đàn xoắn và keo trên diện tích đất theo như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 970,5 m² trong phần diện tích đất vợ chồng ông K, bà G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng. Vợ chồng chị trồng rừng và sử dụng đất rừng trên không được cơ quan có thẩm quyền nào giao cho, vợ chồng chị không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện chị có mua cây để trồng rừng. Nay ông K, bà G khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị phải trả cho gia đình ông K, bà G diện tích đất rừng là 970,5 m² theo như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, chị không đồng ý. Mặc dù chị không có giấy tờ gì thể hiện vợ chồng chị được phép sử dụng diện tích đất rừng trên, nhưng gia đình chồng chị và vợ chồng chị đã xâm canh, xâm cư, trồng rừng từ những năm 1980 đến nay.

*** *Tại bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Hùng trình bày:*** Năm 1980 mẹ anh là cụ Nguyễn Thị Thảo và chú ruột anh là ông Nguyễn Văn Cường có trồng sắn trên diện tích đất ven đường rừng thuộc thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên, tỉnh B G (Nay là đất ông K, bà G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Năm 1995, mẹ anh và chú anh có trồng bạch đàn xoắn trên diện tích đất trên, còn anh trồng bạch đàn trắng. Diện tích trồng anh không xác định được. Khi gia đình anh sử dụng diện tích đất rừng trên thì không được cơ quan có thẩm quyền giao cho, gia đình anh thấy đất hoang hóa thì gia đình anh khai hoang, trồng sắn, sau đó do trâu bò phá hoại thì gia đình anh trồng bạch đàn từ đó đến nay. Gia đình anh sử dụng từ những năm 1995 đến nay, ông K, bà G cũng như các hộ dân không có ai tranh chấp gì. Khoảng năm 2000 anh có xây tường gạch xung quanh vườn cây của gia đình anh trồng, phân sát với đường đi. Năm 2019, làm đường, anh có phá tường và anh còn chặt cây bạch đàn anh đã trồng, anh còn được thôn Trúc Tay hỗ trợ 2.000.000 đồng phá tường anh sẽ cung cấp chứng cứ cho Tòa án sau. Đối với số cây anh trồng, anh đã chặt bán nhiều lần không có ai tranh chấp gì. Việc anh trồng rừng và sử dụng đất thì không được cơ quan có thẩm quyền nào giao cho, anh không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện anh có mua cây để trồng rừng. Năm 2019, Hện Việt Yên làm đường bê tông phần đất của thôn Trúc Tay, do vậy xảy ra tranh chấp giữa các hộ dân Hện Yên Lư và anh. Anh không làm đơn khởi kiện các cơ quan có thẩm quyền về diện tích đất tranh chấp giữa hai thôn. Nay ông K, bà G khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh phải trả cho gia đình ông K, bà G diện tích đất rừng là 1.164,8 m² theo như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, anh không đồng ý. Mặc dù anh không có giấy tờ gì thể hiện anh được phép sử dụng diện tích đất rừng trên, nhưng gia đình anh đã xâm canh, xâm cư, trồng rừng từ những năm 1980 đến nay.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Hùng trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông K, bà G, diện tích đất ông K bà G khởi kiện đối với ông thuộc thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên, quản lý giao cho gia đình ông sử dụng từ những năm 1980, ông không có giấy tờ gì về việc giao đất ông đang sử dụng. Vị trí diện tích đất Tòa án đã đi xem xét thẩm định tại chỗ, toàn bộ cây trên đất là do ông trồng.

*** *Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng bà Phòng Thị Ngân đại diện theo ủy quyền của UBND Hện Yên Dũng trình bày:*** Bà là đại diện theo ủy quyền của UBND Hện Yên Dũng tham gia tố tụng để giải quyết việc kiện giữa bà Ngô Thị G, ông Nguyễn Văn K với ông Nguyễn Văn H, theo giấy ủy quyền ngày 07/5/2021 của Chủ tịch UBND Hện Yên Dũng.

Bà Ngô Thị G, ông Nguyễn Văn K được UBND xã Yên Lư phối hợp với Hạt kiểm lâm Yên Dũng giao đất lâm nghiệp theo Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 về giao đất, giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định sản xuất kinh

doanh lâu dài, theo quyết định trên hộ ông K, bà G được giao 6.000 m² đất lâm nghiệp thuộc khu vực núi Lớ, thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G. Năm 1999, hộ ông K, bà G được UBND Hện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 09, diện tích 6.000m². Theo bản đồ địa chính chính quy của xã Yên Lư đo vẽ năm 2009 thì diện tích của ông K, bà G là 7.643m² thuộc tờ bản đồ số 117, thửa 56. Năm 1993, tranh chấp giữa nhân dân hai thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng và thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên đối với diện tích đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp. Ngày 23 tháng 10 năm 1995, tại kết luận số 01/KL-ĐĐ của liên Hện Việt Yên-Yên Dũng, về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa xã Yên Lư, Hện Yên Dũng và xã Vân Trung, Hện Việt Yên. Sau khi có kết luận trên, nhân dân các thôn không đồng ý, UBND tỉnh Hà B đã giao cho Sở địa chính Hà B giải quyết. Tại báo cáo kết luận việc giải quyết tranh chấp đất đai, giữa thôn Trúc Tay xã Vân Trung, Hện Việt Yên và thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng số 43/TT-ĐC ngày 10/5/1996 của Sở địa chính Hà B gửi Chủ tịch UBND tỉnh Hà B. Chủ tịch UBND tỉnh Hà B đã có Quyết định số 824/CT ngày 08/8/1996 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên và thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng. Từ đó đến nay chưa có văn bản nào thay thế đối với Quyết định số 824/CT ngày 08/8/1996 của UBND tỉnh Hà B.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn K, bà Ngô Thị G năm 1999, sau khi đã có Quyết định số 824/CT ngày 08/8/1996 của UBND tỉnh Hà B về giải quyết tranh chấp đất đai, giữa thôn Trúc Tay xã Vân Trung, Hện Việt Yên và thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng.

Theo như báo cáo việc giải quyết tranh chấp đất đai, giữa thôn Trúc Tay xã Vân Trung, Hện Việt Yên và thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng số 43/TT-ĐC ngày 10/5/1996 của Sở địa chính Hà B, thì diện tích đất của ông K, bà G đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không liên quan gì đến giải đất rộng 10 m tính từ mép đường lên phía núi, chạy dài theo con đường từ xã Yên Lư đi sang Trúc Tay - Vân Trung.

UBND Hện có thực hiện các dự án phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, cụ thể: năm 1995, 1996 thực hiện dự án 327 về phủ xanh đất trống đồi núi trọc của Hện Yên Dũng, tỉnh B G. Năm 1998-1999 có dự án 661 về trồng rừng trên địa bàn toàn Hện Yên Dũng.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND Hện Yên Dũng cấp ngày 17/11/1999, ông Nguyễn Văn K, bà Ngô Thị G được sử dụng diện tích đất 6.000m² tại thửa số 09, nhưng theo bản đồ địa chính của xã Yên Lư đo vẽ năm 2009 nay là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 117 diện tích 7643.1m²; địa chỉ tại thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G. Đối với diện tích do vẽ theo bản đồ có dôi dư 1.643,1 m² UBND Hện có ý kiến như sau: Việc đo đạc bản đồ địa chính chính quy của xã Yên Lư năm 2009 được đo vẽ theo hiện trạng sử dụng đất, chưa chỉnh lý theo giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất đã được cấp, lên có đo cả phần để hành lang 10m tính từ mép đường lên phía núi theo Quyết định số 824/CT ngày 08/8/1996 của UBND tỉnh Hà B; Phần tăng còn lại là do sai số đo đạc.

Đến nay UBND Hện Yên Dũng chưa tiếp nhận hồ sơ cấp đổi của hộ ông K, bà G theo như bản đồ địa chính chính quy của xã Yên Lư đo vẽ năm 2009.

Đối với giải đất rộng 10 m tính từ mép đường lên phía núi, chạy dài theo con đường từ xã Yên Lư đi sang Trúc Tay - Vân Trung đây là đất hành lang thuộc sự quản lý của UBND Hện Yên Dũng và UBND xã Yên Lư.

Theo các tài liệu lưu giữ tại UBND Hện Yên Dũng đến nay UBND Hện Yên Dũng chưa giao cho cá nhân hay tổ chức nào được phép sử dụng giải đất rộng 10 m tính từ mép đường lên phía núi, chạy dài theo con đường từ xã Yên Lư đi sang Trúc Tay - Vân Trung.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà G, ông K, theo quan điểm UBND Hện Yên Dũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** *Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa ông Dương Xuân Chính đại diện theo ủy quyền của UBND xã Yên Lư trình bày:*** Bà Ngô Thị G, ông Nguyễn Văn K được UBND xã Yên Lư phối hợp với Hạt kiểm lâm Yên Dũng giao đất lâm nghiệp theo Nghị định số 02/CP ngày 15/01/1994 về giao đất, giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định sản xuất kinh doanh lâu dài, theo quyết định trên hộ ông K, bà G được giao 6.000 m² đất lâm nghiệp thuộc khu vực núi Lớ, thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm Nghiệp (sổ xanh). Năm 1999, hộ ông K, bà G được UBND Hện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 09, diện tích 6.000m². Theo bản đồ địa chính chính quy của xã Yên Lư đo vẽ năm 2009 thì diện tích của ông K, bà G là 7.643m² thuộc tờ bản đồ số 117, thửa 56. Diện tích này bao gồm từ đỉnh núi đến giáp chân đường liên xã Hện từ thôn Yên Hà, xã Yên Lư đi đến thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên, tỉnh B G. Vị trí thửa đất của ông K, bà G nhìn từ chân núi về phía thôn Trúc Tay có tứ cận như sau: Phí Tây giáp thửa đất số 53 của hộ ông Vui; phía Đông giáp thửa 52 của hộ ông Ươm; phía Nam giáp đường đi liên xã; phía B giáp đỉnh núi. Diện tích được giao các hộ có trồng rừng.

Năm 1993, tranh chấp giữa nhân dân hai thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng và thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên đối với diện tích đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp, ngày 23 tháng 10 năm 1995, tại kết luận số 01/KL-ĐĐ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa xã Yên Lư, Hện Yên Dũng và xã Vân Trung, Hện Việt Yên. Sau khi có kết luận trên, nhân dân các thôn không đồng ý, UBND tỉnh Hà B đã giao cho Sở địa chính Hà B giải quyết. Tại báo cáo kết luận việc giải quyết tranh chấp đất đai, giữa thôn Trúc Tay xã Vân Trung, Hện Việt Yên và thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng số 43/TT-ĐC ngày 10/5/1996 của Sở địa chính Hà B gửi Chủ tịch

UBND tỉnh Hà B. Chủ tịch UBND tỉnh Hà B đã có Quyết định số 824/CT ngày 08/8/1996 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên và thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng. Từ đó đến nay chưa có văn bản nào thay thế đối với Quyết định số 824/CT ngày 08/8/1996 của UBND tỉnh Hà B.

Tại mục III/ kết luận và kiến nghị trong báo cáo kết luận việc giải quyết tranh chấp đất đai, giữa thôn Trúc Tay xã Vân Trung, Hện Việt Yên và thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng số 43/TT-ĐC ngày 10/5/1996 của Sơ địa chính Hà B, UBND xã Yên Lư có ý kiến như sau:

- Phần A kết luận tại mục 1 có ghi: "... tôn trọng hiện trạng sử dụng diện tích 110.000 m² do nhân dân thôn Trúc Tay, xã Vân Trung đang canh tác...", diện tích này theo bản đồ địa chính chính quy của xã Yên Lư đo vẽ năm 2009 thuộc thửa số 63, tờ bản đồ 117, diện tích 103.899,5 m², diện tích này hiện nay thôn Trúc Tay vẫn quản lý sử dụng.

- Phần A kết luận tại mục 2 có ghi: "Thôn Trúc Tay xã Vân Trung tiếp tục quản lý sử dụng 10.000m² đất bãi trồng sắn, trong khu vực đang tranh chấp...", diện tích này theo bản đồ địa chính chính quy của xã Yên Lư đo vẽ năm 2009 thuộc thửa số 26, tờ bản đồ 117, diện tích 11.165,1 m², diện tích này hiện nay thôn Trúc Tay vẫn quản lý sử dụng.

- Phần A kết luận tại mục 3 có ghi: "Thôn Trúc Tay xã Vân Trung tiếp tục được sử dụng 996m² đất nghĩa địa (đất cHên dưng), kể cả đất hành lang nghĩa địa và con đường rộng 10m từ bãi nghĩa địa đi xuống đường giao thông liên xã, Hện", diện tích này theo bản đồ địa chính chính quy của xã Yên Lư đo vẽ năm 2009 thuộc thửa số 51, tờ bản đồ 117, diện tích 9.079,8m², diện tích này UBND Hện Yên Dũng giao đất lâm nghiệp cho hộ ông Trần Văn Sương từ năm 1995 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Phần A kết luận tại mục 4 có ghi: "Để đảm bảo cho sản xuất đạt kết quả cao, trong diện tích 110.000 m² đất do thôn Trúc Tay đang canh tác. Để bảo vệ, quản lý tốt con đường giao thông liên Hện, xã này đề một giải đất rộng 10m tính từ mép đường lên phía núi, chạy dài theo con đường từ xã Yên Lư đi sang Trúc Tay - Vân Trung (trong khu đất đang có tranh chấp). Yêu cầu các địa phương không được sử dụng vào bất cứ mục đích nào, khi không có quyết định của cơ quan có thẩm quyền...". Đối với giải đất rộng 10 m tính từ mép đường lên phía núi, chạy dài theo con đường từ xã Yên Lư đi sang Trúc Tay - Vân Trung, khi UBND Hện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ thuộc thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G trong đó có hộ gia đình ông K, bà G chưa trừ đi diện tích này.

- Phần A kết luận tại mục 5 có ghi: "Toàn bộ diện tích còn lại, trong khu vực đang tranh chấp (sau khi trừ diện tích giao cho thôn Trúc Tay, xã Vân Trung và hành lang bảo vệ sản xuất và đường giao thông). Giao cho xã Yên Lư quản lý theo đúng thẩm

quyền, đúng với tinh thần chỉ thị 364/CT của Thủ tướng chính phủ, UBND xã Yên Lư có trách nhiệm đưa diện tích này vào sử dụng có hiệu quả”. Đối với diện tích còn lại thì UBND xã Yên Lư cũng đã giao cho các hộ để trồng rừng, khi giao UBND xã Yên Lư không trừ đi phần đất hành lang bảo vệ sản xuất và đường giao thông là 10 m tính từ mép đường lên phía núi.

Năm 1995, UBND xã Yên Lư phối hợp với Hạt kiểm lâm Yên Dũng và Chính quyền thôn Yên Hà, giao đất lâm nghiệp cho các hộ sinh sống tại thôn Yên Hà, xã Yên Lư đối với diện tích đất tại khu vực Núi Lớ, là giao từ đỉnh núi xuống chân núi giáp đường. Khi giao cho các hộ cũng không xem xét phần đất phía dưới có ai sử dụng hay không, do vậy việc ông H, ông Hùng trình bày có sử dụng phần diện tích dưới chân núi thì UBND xã Yên Lư không biết.

Nay ông K, bà G khởi kiện tranh chấp đất đối với ông H, ông Hùng, quan điểm của UBND xã Yên Lư đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 08/9/2021 ông Dương Xuân Chính trình bày: Ông giữ nguyên lời khai như đã trình bày, đối với yêu cầu của ông K, bà G đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông Hùng, ông H có sử dụng diện tích đất thuộc UBND xã Yên Lư quản lý hay không thì UBND xã không nắm được.

*** Tài liệu, chứng cứ thu thập được:**

+ **Tại biên bản làm việc với UBND xã Vân Trung, Hện Việt Yên, tỉnh B G cung cấp:** Theo bản đồ địa chính của xã Vân Trung đo vẽ năm 2019 thì diện tích đất 120.996 m² thuộc quản lý của xã Yên Lư nhưng do xã Vân Trung sử dụng theo kết luận số 01/KL-ĐĐ ngày 23/10/1995 được ký kết giữa UBND Hện Việt Yên và UBND Hện Yên Dũng, không có trong bản đồ địa chính của xã Vân Trung.

+ **Tại biên bản xác minh đối với ông Trần Văn Yên, nguyên là trưởng thôn Yên Hà từ năm 2017 đến năm 2020 cung cấp:** năm 2019 Nhà nước làm đường liên thôn xã từ cầu mới thuộc thôn Yên Hà chạy qua khu núi lớ sang thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên. Trên đoạn đường từ nhà ông Nguyễn Văn Ngoại đến sát nhà ông Nguyễn Văn Hào không có bờ tường nào từ bao năm nay, năm 2019 làm đường không có bờ tường nào phải di dời nên thôn Yên Hà không có hỗ trợ gì về việc di dời và xây lại tường. Còn thôn Trúc Tay có hỗ trợ cho ai và hỗ trợ đối với đoạn đường nào thì ông không biết.

* Quá trình giải quyết vụ án, ông K, bà G có đơn đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với diện tích đất tranh chấp.

+ **Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/12/2020 như sau:**

Diện tích do ông K, bà G chỉ trên thực địa là 6.474,4 m², trong đó: Diện tích đất ông Nguyễn Văn Hùng sử dụng trồng rừng trên diện tích đất trên là 1.164,8 m²; Diện tích đất ông Nguyễn Văn H sử dụng trồng rừng trên diện tích đất trên là 970,5 m²; Diện

tích còn lại là 4.339,0 m². Đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông B giáp đỉnh núi Yên Hà, Phía tây nam giáp đường liên xã, phía Đông Nam giáp hộ ông Lê Thế Ươm (thửa số 52), Phía Tây B giáp hộ ông Nguyễn Văn Vui (thửa số 53). Trên diện tích đất có các tài sản bao gồm: Gỗ Bạch đàn 35,573m³/1ha; củi bạch đàn 54,5 cte/1 ha; Gỗ Thông 13,606m³/1ha; củi thông 8,0cte/1ha; Cây Keo nhỏ 200 cây, đường kính gốc 6cm, cao 5m.

+ *Kết quả định giá tài sản ngày 24/12/2020 như sau:*

- Giá đất rừng: theo giá nhà nước là 7.000đồng/m²; theo giá chênh nhượng thực tế tại địa phương là 8.500đồng/m².

- Tài sản trên đất: Gỗ bạch đàn: 800.000 đồng/1m³; củi bạch đàn: 400.000 đồng/1cte; gỗ thông: 500.000 đồng/1m³; củi thông: 400.000 đồng/1cte; keo nhỏ 109.000 đồng/1 cây.

Đối với 300 cây bạch đàn đã bị chặt năm 2019 tương đương với 13,757 m³ gỗ x 800.000 đồng = 10.857.600 đồng; Củi bạch đàn 4,755 cte x 400.000 đồng = 1.902.000 đồng.

- Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng không được vì các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Ngày 15/04/2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã hoãn phiên tòa.

+ Ngày 14/5/2021 và ngày 11/6/2021, vì lý do khách quan, do tình hình dịch bệnh Covid, các đương sự không thể đến phiên tòa được, Tòa án đã phải hoãn phiên tòa.

+ Ngày 09/7/2021, bị đơn ông Nguyễn Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thiết, ông Nguyễn Văn Hùng phải giãn cách xã hội theo chỉ thị 16/CT-TTG ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ do tình hình dịch bệnh Covid, không thể có mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hoãn phiên tòa, Tòa án đã phải hoãn phiên tòa.

+ Tại phiên tòa ngày 06/8/2021, cần phải xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa.

+ Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, Tòa án xem xét thẩm định tại diện tích đất rừng theo yêu cầu của ông K, bà G. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2021 và kết quả đo đạc như sau: Diện tích do ông K, bà G đã được cắm mốc trên thực địa tại bốn điểm ABGH đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 117 là 7643.0 m², trong đó: Diện tích đất ông Nguyễn Văn Hùng sử dụng trồng rừng trên diện tích đất trên là 1438.2 m²; Diện tích đất ông Nguyễn Văn H sử dụng trồng rừng trên diện tích

đất trên là 1202.1m²; Diện tích còn lại là 4.792.6 m². Đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông B giáp đỉnh núi Yên Hà, Phía tây nam giáp đường liên xã, phía Đông Nam giáp hộ ông Lê Thế Ưom (thửa số 52), Phía Tây B giáp hộ ông Nguyễn Văn Vui (thửa số 53).

+ Tại phiên tòa ngày 08/9/2021, Hội đồng xét xử đã thông báo những tài liệu chứng cứ thu thập được cho các đương sự được biết.

+ Tại phiên tòa ngày 08/9/2021, một số người làm chứng do ông H yêu cầu triệu tập đến có mặt đều trình bày: Các ông bà biết được ông H, ông Hùng sử dụng diện tích đất rừng do thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên quản lý, các ông bà cam đoan lời khai của các ông bà là đúng.

+ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để Tòa án đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Hùng. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự vì những lý do sau: Biên bản hòa giải tranh chấp đất không đúng quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013; không thụ lý yêu cầu phản tố của ông H; không đưa UBND Hện Việt Yên, Ban lãnh đạo thôn Trúc Tay, xã Vân Trung tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án làm ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án; Ông H có đơn khiếu nại về việc xem xét thẩm định tại chỗ chưa được Tòa án giải quyết; không có căn cứ nào cho rằng thửa đất số 09 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1999 là thửa đất số 56 tờ bản đồ số 117 do đặc năm 2009; Diện tích đất ông K, bà G khởi kiện đã được giải quyết tại Quyết định số 824 ngày 08/8/1996 Chủ tịch UBND tỉnh Hà B.

Do có nội D trên, bản án dân sự sơ thẩm số 17/2021/DS-ST ngày 9/9/2021 của Tòa án nhân dân Hện Yên Dũng đã áp dụng khoản 6, 9 Điều 26, các Điều 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165, 166, khoản 2 Điều 244, các Điều 227, 228, 229, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 2, Điều 43, 44, 73 của Luật đất đai năm 1993. Các Điều 1,2,4,5, 14, 15 quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp (ban hành kèm theo Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994 của chính Phủ). Các Điều 163, 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thiết phải trả cho ông Nguyễn Văn K, bà Ngô Thị G diện tích đất cùng cây trồng trên đất là 1202,1 m² có ký hiệu LCDK tại thửa đất số 9 nay là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 117 do năm 2009, địa

chỉ thửa đất thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G. (Có sơ đồ kèm theo)

2.2. Buộc ông Nguyễn Văn Hùng phải trả cho ông Nguyễn Văn K, bà Ngô Thị G diện tích đất cùng cây trồng trên đất là 1438,2 m² có ký hiệu KDGH tại thửa đất số 9 nay là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 117 đo năm 2009, địa chỉ thửa đất, thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G. (Có sơ đồ kèm theo)

2.3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Ngô Thị G, ông Nguyễn Văn K đối với ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thiết phải bồi thường số tiền 30.000.000 trị giá 300 cây ông H đã chặt.

2.4. Về án phí:

2.4.1. Hoàn trả ông Nguyễn Văn K, bà Ngô Thị G số tiền tạm ứng án phí 1.050.000 đồng theo biên lai số AA/2010/0004406 ngày 06/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Hện Yên Dũng, tỉnh B G

2.4.2. Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thiết phải chịu 1.156.228 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.4.3. Ông Nguyễn Văn Hùng phải chịu 1.383.305 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.5. Về chi phí tố tụng:

2.5.1. Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thiết, ông Nguyễn Văn Hùng phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 13.202.000 đồng, cụ thể: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thiết phải chịu 6.601.000 đồng, ông Nguyễn Văn Hùng phải chịu 6.601.000 đồng.

2.5.2. Ông Nguyễn Văn K, bà Ngô Thị G được nhận lại số tiền 13.202.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản khi ông H, bà Thiết, ông Hùng nộp lại.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày,, kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện VKSND tỉnh B G phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh B G và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh B G áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đang, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trung là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội D kháng cáo của thì thấy:

[2.1] Về quá trình giải quyết tranh chấp giữa các hộ dân thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G với các hộ dân thuộc thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên, tỉnh B G thì thấy:

Năm 1993 xảy ra tranh chấp đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp nằm giáp ranh giữa đất của thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng và đất của thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên. Ngày 23 tháng 10 năm 1995, tại kết luận số 01/KL-ĐĐ về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa xã Yên Lư, Hện Yên Dũng và xã Vân Trung, Hện Việt Yên của đại diện hai Hện Yên Dũng và Việt Yên, đã xác định diện tích đất mà xã Yên Lư quản lý nhưng xã Vân Trung có xâm canh 120.742 m². Xã Vân Trung được tiếp tục quản lý, sử dụng 120.996 m² đất. Trong đó: (diện tích trồng lúa 110.000 m²; diện tích trồng sắn 10.000m²; diện tích mỏ mả 742m²; đất hành lang lối đi khu mỏ mả 254m²). Người dân của hai thôn không đồng ý với kết luận trên, ngày 12/12/1995, UBND tỉnh Hà B đã giao cho Sở địa chính Hà B giải quyết. Tại báo cáo kết luận việc giải quyết tranh chấp đất đai, giữa thôn Trúc Tay xã Vân Trung, Hện Việt Yên và thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng số 43/TT-ĐC ngày 10/5/1996 của Sở địa chính Hà B gửi Chủ tịch UBND tỉnh Hà B. Nội D báo cáo trên đã kết luận như sau: “1/ Yêu cầu hai bên tôn trọng hiện trạng sử dụng diện tích 110.000 m² do nhân dân thôn Trúc Tay, xã Vân Trung đang canh tác, xâm canh trong địa giới hành chính của xã Yên Lư, Yên Dũng nay tiếp tục được canh tác. 2/ Thôn Trúc Tay xã Vân Trung tiếp tục quản lý sử dụng 10.000m² đất bãi trồng sắn, trong khu vực đang tranh chấp (xâm canh). Cả hai diện tích này được tôn trọng về sử dụng là phù hợp với nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Thủ tướng Chính Phủ và quyết định 13/HĐBT ngày 01/02/1989 của Hội đồng bộ trưởng cũng như hướng dẫn số 248/NNUB ngày 30/03/1989 của UBND tỉnh Hà B. 3/ Thôn Trúc Tay xã Vân Trung tiếp tục được sử dụng 996m² đất nghĩa địa (đất cHên

dùng), kể cả đất hành lang nghĩa địa và con đường rộng 10m từ bãi nghĩa địa đi xuống đường giao thông liên xã, Hện. 4/ Để đảm bảo cho sản xuất đạt kết quả cao, trong diện tích 110.000 m² đất do thôn Trúc Tay đang canh tác. Để bảo vệ, quản lý tốt con đường giao thông liên Hện, xã này để một giải đất rộng 10m tính từ mép đường lên phía núi, chạy dài theo con đường từ xã Yên Lư đi sang Trúc Tay - Vân Trung (trong khu đất đang có tranh chấp). Yêu cầu các địa phương không được sử dụng vào bất cứ mục đích nào, khi không có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nếu bên nào vi phạm phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật. 5/ Toàn bộ diện tích còn lại, trong khu vực đang tranh chấp (sau khi trừ diện tích giao cho thôn Trúc Tay, xã Vân Trung và hành lang bảo vệ sản xuất và đường giao thông). Giao cho xã Yên Lư quản lý theo đúng thẩm quyền, đúng với tinh thần chỉ thị 364/CT của Thủ tướng chính phủ, UBND xã Yên Lư có trách nhiệm đưa diện tích này vào sử dụng có hiệu quả. 6/ Đường giao thông liên xã, Hện rộng từ 6-7 m dài 600m chạy trong khu đất tranh chấp giao cho xã Yên Lư, Yên Dũng quản lý và là đường cùng sử dụng chung. Trên cơ sở báo cáo của Sở địa chính, ngày 08/8/1996 Chủ tịch UBND tỉnh Hà B đã có Quyết định số 824/CT V/v giải quyết tranh chấp đất đai giữa thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Yên Dũng và thôn Yên Hà, xã Yên Lư Hện Yên Dũng với nội D: “ Điều 1/ Nhất trí với báo cáo kết luận số 43/TT-ĐC ngày 10/5/1996 của Sở địa chính, v/v giải quyết tranh chấp đất đai giữa thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên và thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng. Điều 2/ Giao cho Sở địa chính chủ trì phối hợp với UBND Hện Việt Yên, UBND Hện Yên Dũng tổ chức thực hiện nghiêm túc kết luận số 43/TT-ĐC ngày 10/5/1996 của Sở địa chính, để chấm dứt việc tranh chấp...”

Từ khi có Quyết định số 824/CT ngày 08/8/1996 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà B đến nay chưa có văn bản nào thay thế đối với Quyết định này.

Theo Quyết định số 824/CT ngày 08/8/1996 của UBND tỉnh Hà B, căn cứ vào báo cáo kết luận việc giải quyết tranh chấp đất đai, giữa thôn Trúc Tay xã Vân Trung, Hện Việt Yên và thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng số 43/TT-ĐC ngày 10/5/1996 của Sở địa chính Hà B, diện tích đất thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên, tỉnh B G được sử dụng, nay được thể hiện trên bản đồ địa chính chính quy của xã Yên Lư đo vẽ năm 2009 cụ thể như sau: Diện tích trồng lúa 110.000 m², nay thuộc thửa số 63, tờ bản đồ 117, diện tích 103.899,5 m², diện tích này hiện nay thôn Trúc Tay vẫn quản lý sử dụng. Diện tích đất bãi trồng sắn 10.000m², nay thuộc thửa số 26, tờ bản đồ 117, diện tích 11.165,1 m², diện tích này hiện nay thôn Trúc Tay vẫn quản lý sử dụng. Đất nghĩa địa (đất cHên dùng) 996m², nay thuộc thửa số 51, tờ bản đồ 117, diện tích 9.079,8m², diện tích này UBND Hện Yên Dũng giao đất lâm nghiệp cho hộ ông Trần Văn Sương từ năm 1995 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích đất của hộ ông Nguyễn Văn K được UBND xã Yên Lư phối hợp với Hạt kiểm lâm Hện Yên Dũng giao năm 1995 và được UBND Hện Yên Dũng cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 không liên quan gì đến diện tích đất đã giao cho thôn Trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên, tỉnh B G theo Quyết định số 824/CT ngày 08/8/1996 của UBND tỉnh Hà B.

Do vậy, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng diện tích đất ông K, bà G khởi kiện đã được giải quyết tại Quyết định số 824/CT ngày 08/8/1996 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà B là không có căn cứ.

[2.2]. Về nguồn gốc đất, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 09, nay là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 117 đo đạc năm 2009, địa chỉ thửa đất tại thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G thì thấy: Theo như trình bày của các đương sự, tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: thửa đất số 09, diện tích 0,6 ha có trong sổ địa chính giao đất lâm nghiệp theo Nghị định 02/CP được UBND Hện Yên Dũng ký duyệt ngày 05/12/1997, bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1997 là bản Scan của Hạng kiểm lâm Hện Yên Dũng và sổ địa chính của UBND xã Yên Lư năm 1999, thể hiện: “Nguyễn Văn K, số thửa 9, xứ đồng địa gianh giao: Yên Hà, diện tích 0, 6 ha”. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00188QSDĐ, do UBND Hện Yên Dũng cấp ngày 17/11/1999 cho hộ ông Nguyễn Văn K, thửa số 09, diện tích 6000m², mục đích sử dụng trồng cây, thời hạn sử dụng đến 10/2043, địa chỉ thửa đất: thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G. Tại bản đồ địa chính của xã Yên Lư đo đạc năm 2009, thể hiện thửa đất số 56, diện tích 7643,0 m². Do vậy, hộ ông Nguyễn Văn K sử dụng thửa đất số 09, diện tích 6.000m² (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND Hện Yên Dũng cấp ngày 17/11/1999) nay là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 117, diện tích 7643.0 m²; địa chỉ tại thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G (Theo bản đồ địa chính của xã Yên Lư đo đạc năm 2009) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, Điều 43, Điều 44, Điều 73 của Luật đất đai năm 1993. Các Điều 1,2,4,5, 14, 15 quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức hộ gia đình cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp (ban hành kèm theo Nghị định số 02-CP ngày 15/01/1994 của chính Phủ).

Do vậy, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng không có căn cứ nào xác định thửa đất số 09 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1999 nay là thửa đất số 56 tờ bản đồ số 117 theo bản đồ địa chính năm 2009 là không phù hợp.

[2.3]. Xét kháng cáo của ông H..... thì thấy

Bà Ngô Thị G và ông Nguyễn Văn K yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thiết phải trả cho ông bà 1202,1m² diện tích đất tại thửa đất số 9 nay là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 117 đo năm 2009, địa chỉ thửa đất thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G cùng toàn bộ cây trồng trên đất; buộc ông Nguyễn Văn Hùng phải trả cho ông bà 1438,2m² tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 117 đo năm 2009,

địa chỉ thửa đất, thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G diện tích đất cùng toàn bộ cây trồng trên đất.

Theo như các tài liệu thu thập được thì năm 1995, hộ ông Nguyễn Văn K được giao 6.000m² đất lâm nghiệp tại khu đất núi Lớ, thôn Yên Hà, xã Yên Lư, Hện Yên Dũng, tỉnh B G, năm 1999 hộ ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp 00188 QSDĐ, diện tích 6.000 m², số thửa 09, mục đích sử dụng là trồng cây, thời hạn sử dụng đến 10/2043. Sau khi được giao đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông K có trồng cây keo và bạch đàn trên diện tích đất được giao không có tranh chấp với ai. Từ năm 2019, xảy ra tranh chấp giữa hộ ông K, bà G với ông H, bà Thiết, ông Hùng. Ông H, bà Thiết, ông Hùng cho rằng gia đình các ông bà sử dụng diện tích đất rừng từ những năm 1980, bố mẹ các ông bà trồng sắn, sau đó không trồng sắn các ông bà có trồng cây keo, trồng bạch đàn, diện tích các ông bà sử dụng là từ mép đường đến giữa núi, còn khoảng giữa núi đến đỉnh núi nhà ông K, bà G vẫn sử dụng. Các ông bà sử dụng diện tích đất rừng trên là được sự đồng ý của chính quyền thôn trúc Tay, xã Vân Trung, Hện Việt Yên, tỉnh B G. Tòa án đã có quyết định cung cấp chứng cứ yêu cầu ông H, bà Thiết, ông Hùng cung cấp những tài liệu thể hiện các ông bà được giao đất, giao rừng và tài liệu thể hiện các ông bà có trồng các loại cây keo, bạch đàn trên diện tích đất của ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông H, bà Thiết, ông Hùng không có tài liệu để cung cấp cho Tòa án. Tại phiên tòa ông H, ông Hùng vẫn thừa nhận các ông sử dụng diện tích đất là do bố mẹ các ông xâm canh từ những năm 1980, các ông không có giấy tờ tài liệu của cơ quan có thẩm quyền giao sử dụng diện tích đất các ông đang sử dụng. Ngoài ra, theo ý kiến của đại diện UBND Hện Yên Dũng, cũng như UBND xã Yên Lư thì các cơ quan không giao đất cho ông Hùng, ông H canh tác sử dụng đối với diện tích đất đã giao cho hộ ông K.

Theo kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Hện Yên Dũng đã được cắm mốc trên thực địa xác định ông Nguyễn Văn H có sử dụng diện tích 1202,1 m²; ông Hùng sử dụng diện tích là 1438,2 m² trong diện tích đất hộ ông Nguyễn Văn K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn K, bà Ngô Thị G là phù hợp với quy định tại các Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự.

Kháng cáo của về việc..... là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh B G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huân, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số **AA/2017/0000773 ngày 05/5/2021** tại Chi cục thi hành án dân sự Hện Yên Dũng, tỉnh B G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Hện Yên Dũng;
- VKSND tỉnh B G;
- Chi cục THADS Hện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương G

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết Nguyễn Xuân Thọ

Phạm Thị Minh Hiền

